

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2019
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Thiên

2. Bà Phan Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Rmah H’G, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Hẻm H, tổ dân phố 8, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Kpă G, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Hẻm H, tổ dân phố 8, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

3. Người phiên dịch: Ông Rcom L, người dân tộc Jrai

Địa chỉ: Tổ 10, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Rmah H’G trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Kpă G chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện A (nay là huyện P), tỉnh G vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Kpă G thường xuyên ăn nhậu về nhà đập phá tài sản, đánh đập, mắng chửi, lăng mạ, xúc phạm và hành hung làm chị thấy bất an. Chị đã nhiều lần nhờ hai bên

gia đình khuyên bảo, can thiệp nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Kpă G, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kpă G.

- Về con chung: Chị và anh G có một con chung là Rmah H'C, sinh ngày 02/02/2004.

Nguyên vọng của chị được nuôi dưỡng cháu Rmah H'C mà không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Kpă G trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Rmah H'G về việc chung sống với nhau, thời gian kết hôn, cơ sở việc kết hôn cũng như mâu thuẫn xảy ra. Qua chung sống, đôi lúc cũng có uống rượu quá chén, ăn nói với vợ con nặng lời, đánh đập chèn ép, đánh cả vợ. Hiện anh vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con, không muốn gia đình tan vỡ, anh muốn gia đình đoàn tụ, anh hứa sau này không có chuyện xảy ra như thế nữa.

- Về con chung: Anh và chị Rmah H'G có một con chung là Rmah H'C, sinh ngày 02/02/2004.

Vì không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con chung và tài sản.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Rmah H'G ly hôn với anh Kpă G.

Về con chung: Giao con chung Rmah H'C, sinh ngày 02/02/2004 cho chị Rmah H'G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị Rmah H'G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Rmah H'G khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Kpă G có nơi cư trú tại phường Đ, thị xã A, tỉnh G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Rmah H'G và anh Kpă G đăng ký kết hôn ngày 15/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện P, tỉnh G trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, chị Rmah H'G và anh Kpă G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G thường uống rượu quá chén về nhà mắng chửi, đập phá vật dụng trong gia đình, có lần đánh chị H'G. Anh G không muốn ly hôn nhưng không làm gì để thay đổi tình trạng hôn nhân, hàn gắn mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị H'G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G.

Có căn cứ anh Kpă G vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Rmah H'G được ly hôn anh Kpă G.

- Về con chung: Chị Rmah H'G và anh Kpă G có một con chung là Rmah H'C, sinh ngày 02/02/2004.

Chị H'G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Rmah H'C; Xét nguyện vọng của cháu H'C muốn được ở với chị H'G. Do đó giao cháu H'C cho chị H'G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H'G không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Rmah H'G và anh Kpă G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Rmah H'G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Rmah H'G

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Rmah H'G ly hôn anh Kpă G

2. Về con chung: Giao con chung Rmah H'C, sinh ngày 02/02/2004 cho chị Rmah H'G trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Rmah H'C thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Rmah H'G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001990, ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX A;
- Chi Cục THS DS TX A;
- UBND xã I, huyện P, tỉnh G;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh